**ÔN TẬP THI HỌC KỲ I - ĐỊA LÍ 10**

**I/ NỘI DUNG ÔN TẬP:**

* Sử dụng bản đồ
* Trái đất và hệ quả chuyển động
* Thạch quyển
* Nội lực và ngoại lực
* Khí quyển
* Thủy quyển
* Đất và sinh quyển
* Các quy luật của vỏ Địa lí.

**II/ CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Phần 1: câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn:**

**Câu 1:** Phương pháp kí hiệu dùng để thể hiện các đối tượng

**A**. phân bố theo những điểm cụ thể. **B**. di chuyển theo các hướng bất kì.

**C**. phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc. **D**. tập trung thành vùng rộng lớn.

**Câu 2:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của phương pháp kí hiệu?

**A**. Xác định được vị trí của đối tượng. **B**. Thể hiện được quy mô của đối tượng.

**C.** Biểu hiện động lực phát triển đối tượng. **D.** Thể hiện được tốc độ di chyển đối tượng.

**Câu 3:** Đối tượng nào sau đây được biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu?

**A**. Hướng gió. **B.** Dòng biển. **C**. Hải cảng. **D**. Luồng di dân.

**Câu 4:** Dòng biển thường được biểu hiện bằng phương pháp

 **A.**  chấm điểm. **B.**  kí hiệu.

 **C.**  đường chuyển động. **D.**  bản đồ - biểu đồ.

**Câu 5:** Mảng kiến tạo **không** phải là

 **A.** những bộ phận lớn của đáy đại dương. **B.**  bộ phận lục địa nổi trên bề mặt Trái Đất.

 **C.** chìm sâu mà nổi ở phần trên lớp Man-ti. **D.** luôn luôn đứng yên không di chuyển.

**Câu 6:** Ngoại lực là những lực sinh ra

 **A.** từ tầng trầm tích của lớp vỏ Trái Đất. **B.** ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất.

 **C.** từ tầng badan của lớp vỏ Trái Đất. **D.** trong lớp nhân của Trái Đất.

**Câu 7:** Nơi tiếp xúc giữa các mảng kiến tạo thường xuất hiện

 **A.** ngập lụt. **B.**  động đất, núi lửa.

 **C.** bão. **D.** thủy triều dâng.

**Câu 8:** Đâu **không** phải là kết quả do tác động của nội lực?

 **A.**  Các lớp đất đá bị uốn nếp hoặc đứt gãy. **B.**  Sinh ra hiện tượng động đất, núi lửa.

 **C.**  Đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột. **D.**  Lục địa được nâng lên hay hạ xuống.

**Câu 9:** Vỏ Trái Đất được phân ra thành hai kiểu chính là

 **A.**  lớp vỏ lục địa và lớp vỏ đại dương. **B.** thạch quyển và lớp Manti.

 **C.** lớp Manti và lớp vỏ đại dương. **D.** lớp vỏ lục địa và lớp Manti.

**Câu 10:** Chiếm đến 80% khối lượng không khí của khí quyển là tầng

 **A.**  tầng nhiệt. **B.**  tầng giữa. **C.**  bình lưu. **D.**  đối lưu.

**Câu 11:** Để phù hợp với thời gian nơi đến, khi đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến đổi ngày, cần

 **A.**  giữ nguyên lịch ngày đi. **B.**  tăng thêm một ngày lịch.

 **C.**  giữ nguyên lịch ngày đến. **D.**  lùi đi một ngày lịch.

**Câu 12:** Tác động nào sau đây làm cho biển tiến và biển thoái?

 **A.**  Lục địa nâng lên, hạ xuống. **B.**  Động đất, núi lửa hoạt động.

 **C.**  Cá lớp đá cứng bị đứt gãy. **D.**  Các lớp đá mềm bị uốn nếp.

**Câu 13:** Giới hạn thạch quyển ở độ sâu

 **A.** 50 km. **B.** 150 km. **C.** 200 km **D.** 100 km.

**Câu 14:** Đá biến chất được hình thành

 **A.** ở nơi trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.

 **B.** từ khối mac ma nóng chảy dưới mặt đất trào lên.

 **C.** từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao.

 **D.** từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi.

**Câu 15:** Trong các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục, có ý nghĩa nhất đối với sự sống là

 **A.**  cơ sở xây dựng mạng lưới tọa độ trên Trái Đất.

 **B.**  sự lệch hướng chuyển động của các vật thể.

 **C.**  sự luân phiên ngày đêm.

 **D.**  giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế.

**Câu 16:** Phong hoá hoá học là

**A**. sự phá huỷ đá thành các khối vụn; làm biến đổi màu sắc, thành phần hoá học.

**B**. quá trình phá huỷ đá, chủ yếu làm biến đổi màu sắc, thành phần, tính chất hoá học.

**C.** việc giữ nguyên đá và không làm biến đổi thành phần khoáng vật và hoá học.

**D.** sự phá huỷ đá thành các khối vụn mà không làm biến đổi thành phần hoá học.

**Câu 17:** Phong hoá sinh học là

**A.** sự phá huỷ đá thành các khối vụn; làm biến đổi màu sắc, thành phần hoá học.

**B**. việc giữ nguyên đá, nhưng làm biến đổi màu sắc, thành phần, tính chất hoá học.

**C.** việc giữ nguyên đá và không làm biến đổi thành phần khoáng vật và hoá học.

**D.** sự phá huỷ đá thành các khối vụn mà không làm biến đổi thành phần hoá học.

**Câu 18:** Phong hoá lí học chủ yếu do

**A**. sự thay đổi của nhiệt độ, sự đóng băng của nước. **B.** các hợp chất hoà tan trong nước, khí, axit hữu cơ.

**C.** tác động của sinh vật như vi khuẩn, nấm, rễ cây,...**D.** tác động của hoạt động sản xuất và của sinh vật.

**Câu 19:** Phong hoá hoá học chủ yếu do

**A**. sự thay đổi của nhiệt độ, sự đóng băng của nước. **B**. các hợp chất hoà tan trong nước, khí, axit hữu cơ.

**C.** tác động của sinh vật như vi khuẩn, nấm, rễ cây. **D**. tác động của hoạt động sản xuất và của sinh vật.

**Câu 20:** Loại đối tượng địa lí không phân bố ở mọi nơi trên lãnh thổ mà chỉ tập trung ở một khu vực nhất định thường được biểu hiện bằng phương pháp nào sau đây?

 **A.**  Khoanh vùng. **B.**  Kí hiệu.

 **C.**  Bản đồ - biểu đồ. **D.**  Chấm điểm.

**Câu 21:** Nội lực là lực phát sinh từ

 **A.** bên trong Trái Đất. **B.** bên ngoài Trái Đất.

 **C.** nhân của Trái Đất. **D.** bức xạ của Mặt Trời.

**Câu 22:** Nội lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua

 **A.** uốn nếp. **B.**  quá trình phong hóa.

 **C.** vận động kiến tạo. **D.** tạo lực.

**Câu 23:** Các trung tâm công nghiệp thường được biểu hiện bằng phương pháp

 **A.**  đường chuyển động. **B.**  kí hiệu.

 **C.**  bản đồ - biểu đồ. **D.**  chấm điểm.

**Câu 24:** Thành phần chính trong không khí là

 **A.**  hơi nước. **B.**  khí cacbonic. **C.**  khí ô xi. **D.**  khí nitơ.

**Câu 25:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các khối khí?

**A.** Các khối khí ở vĩ độ khác nhau có tính chất khác nhau.

**B.** Khối khí ở đại dương khác với khối khí ở lục địa.

**C.** Vị trí địa lí quy định tính chất của các khối khí.

**D.** Tính chất của các khối khí luôn ổn định khi di chuyển.

**Câu 26:** Loại gió nào sau đây **không** phải là gió thường xuyên?

**A**. Gió Tây ôn đới. **B.** Gió Mậu dịch. **C.** Gió Đông cực. **D.** Gió mùa.

**Câu 27:** Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

**A**. chí tuyến về áp thấp ôn đới. **B**. cực về áp thấp ôn đới.

**C.** chí tuyến về áp thấp xích đạo. **D**. cực về áp thấp xích đạo.

**Câu 28:** Gió Mậu dịch thổi từ áp cao

**A.** chí tuyến về áp thấp ôn đới. **B.** cực về áp thấp ôn đới.

**C.** chí tuyến về áp thấp xích đạo. **D.** cực về áp thấp xích đạo.

**Câu 29:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với gió mùa?

**A**. Mùa đông thổi từ lục địa ra đại dương. **B**. Mùa hạ thổi từ đại dương vào đất liền.

**C.** Do chênh lệch áp giữa các đới gây ra. **D.** Thường xảy ra ở phía đông đới nóng.

**Câu 30:** Độ muối trung bình cua nước biển là

**A**. 33 %0. **B**. 34 %0. **C.** 35%0. **D.** 36%0.

**Câu 31:** Độ muối của nước biển **khôn**g phụ thuộc vào

**A.** lượng mưa. **B**. lượng bốc hơi.

**C.** lượng nước ở các hồ đầm. **D**. lượng nước sông chảy ra.

**Câu 32:** Độ muối nước biển lớn nhất ở vùng

**A.** xích đạo. **B.** chí tuyến. **C.** cực. **D**. ôn đới.

**Câu 33:** Phát biểu nào sau đây đúng về mối quan hệ giữa độ muối và khối lượng riêng của nước biển?

**A**. Độ mặn càng nhỏ thì khối lượng riêng càng lớn.

**B.** Độ mặn càng lớn thì khối lượng riêng càng nhỏ.

**C.** Độ mặn càng lớn thì khối lượng riêng càng lớn.

**D**. Độ mặn càng nhỏ thì khối lượng riêng rất lớn.

**Câu 34:** Nhiệt độ trung bình của đại dương thế giới là

**A**. 15,5°C. **B**. 16,5°C. **C.** 17,5°C. **D.** 18,5°C.

**Câu 35:** Các nhân tố nào sau đây có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên các thành phần chủ yếu của đất?

**A**. Đá mẹ, khí hậu. **B**. Khí hậu, sinh vật.

**C.** Sinh vật, đá mẹ. **D.** Địa hình, đá mẹ.

**Câu 36:** Các nhân tố nào sau đây có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên độ phì của đất?

**A.** Đá mẹ, khí hậu.  **B.** Khí hậu, sinh vật.

**C.** Sinh vật, đá mẹ. **D**. Địa hình, đá mẹ.

**Câu 37:** Loại đất nào sau đây **không** thuộc nhóm feralit?

**A**. đất đỏ đá vôi. **B**. đất đỏ badan.

**C.** đất phù sa cổ. **D**. đất ở núi đá.

**Câu 38:** Các yếu tố khí hậu nào sau đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất?

**A**. Nhiệt và ẩm. **B.** Ẩm và khí.

**C.** Khí và nhiệt. **D.** Nhiệt và nước.

**Câu 39:** Vỏ địa lí là vỏ

**A**. của Trái Đất, ở đó có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các quyển.

**B.** của Trái Đất, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thuỷ quyển, sinh quyển.

**C.** cảnh quan, ở đó có các lớp vỏ bộ phận, quan trọng nhất là sinh quyển.

**D**. vỏ cảnh quan, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thuỷ quyển, sinh quyển.

**Câu 40:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vỏ địa lí?

**A**. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn.

**B.** Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.

**C.** Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.

**D**. Ranh giới có sự trùng hợp với toàn sinh quyển.

**Câu 41:** Vỏ địa lí có giới hạn trùng hợp hoàn toàn với lớp vỏ bộ phận nào sau đây?

**A**. Thạch quyển. **B.** Thuỷ quyển.

**C**. Sinh quyển. **D.** Thổ nhưỡng quyển.

**Câu 42:** Quy luật nào sau đây chủ yếu do ngoại lực tạo nên?

**A**. Địa đới. **B.** Địa ô.

**C.** Đai cao. **D.** Thống nhất.

**Câu 43:** Các quy luật nào sau đây chủ yếu do nội lực tạo nên?

**A.** Địa đới, địa ô. **B**. Địa ô, đai cao.

**C.** Đai cao, tuần hoàn. **D**. Thống nhất, địa đới.

**Câu 44:** Quy luật nào sau đây đồng thời do cả nội lực và ngoại lực tạo nên?

**A**. Địa đới. **B**. Địa ô.

**C.** Đai cao. **D.** Thống nhất và hoàn chỉnh.

**Câu 45:** Quy luật địa đới là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

**A**. vĩ độ.  **B**. độ cao.

**C.** kinh độ. **D.** các mùa.

**Phần 2: Câu trả lời đúng/sai: chọn Đ/S cho các nhận đinh**

**Câu 46: Cho thông tin sau**

Sự phân hoá của thiên nhiên theo chiều Đông - Tây được thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ấm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

a) Sự phân hoá thiên nhiên theo Đông- Tây nước ta là biểu hiện của quy luật địa ô.

b) Vùng núi cao Tây Bắc có cảnh quan ôn đới là biểu hiện của quy luật địa đới.

c) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất là do gió mùa Đông Bắc.

d) Nước ta có biểu hiện của quy luật phi địa đới là do địa hình.

**Câu 47: Cho đoạn thông tin sau**

“Để tránh nóng, động vật thường nấp vào bóng râm, vui thân vào cát sâu, chui xuống hang, leo lên cây cao,.... Để tránh lạnh, động vật ẩn minh trong các hốc cây sống qua mùa lạnh, một số loài thay đổi chỗ ở theo mùa. Động vật ở xứ lạnh thường có lông dày, ở xứ nóng có ít lông”.

a) Mỗi loài sinh vật thích nghi với giới hạn nhiệt độ nhất định.

b) Khí hậu ảnh hưởng đến sinh vật qua nhiệt độ và ánh sáng.

c) Đối với động vật ánh sáng ảnh hưởng không đáng kể đến sự phát triển.

d) Động vật đa dạng do khí hậu phân hoá đa dạng.

**Câu 48:** Cho biểu đồ sau:

****

 Nhận xét sau đây là đúng hay sai khi nói về sự phân bố mưa trên Trái Đất?

a) Xích đạo có lượng mưa nhỏ nhất, chí tuyến mưa nhiều nhất.

b) Ở vùng nhiệt đới, bờ đông của lục địa thường mưa nhiều hơn bờ tây.

c) Ở vùng ôn đới, bờ đông của lục địa mưa nhiều hơn bờ tây.

d) Ôn đới có mưa nhiều nhất, vùng chí tuyến có mưa nhỏ nhất.

**Câu 49: Cho đoạn thông tin:**

" Sông là dòng chảy thường xuyên, tương đối lớn trên bề mặt lục địa và đảo, được các nguồn nước mưa, nước ngầm, nước băng tuyết tan nuôi dưỡng. Sự thay đổi của lưu lượng nước sông có tính chu kì trong năm gọi là chế độ nước. Chế độ nước chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm địa lí tự nhiên của nguồn cung cấp và bề mặt lưu vực.”

a) Lưu vực sông có diện tích càng lớn, chế độ nước sông càng ổn định.

b) Nguồn cung cấp chủ yếu từ nước ngầm sẽ có chế độ nước sông ít thay đổi.

c) Rừng cây trong lưu vực sông không ảnh hưởng đến chế độ nước sông.

Chế độ nước sông ở các khu vực ôn đới thường phức tạp hơn ở nhiệt đới.

**Câu 50:** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc**

*(Đơn vị:* °*C)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vĩ độ** | **00** | **200** | **300** | **400** | **500** | **600** | **700** | **800** |
| **Nhiệt độ trung bình năm** | 24,5 | 25,0 | 20,4 | 14,0 | 5,4 | -0,6 | -10,4 | -20,0 |
| **Biên độ nhiệt năm** | 1,8 | 7,4 | 13,3 | 17,7 | 23,8 | 29,0 | 32,2 | 31,0 |

**a)** Nhiệt độ trung bình năm giảm từ xích đạo về cực.

**b**) Khu vực chí tuyến có nhiệt độ trung bình năm cao nhất.

**c)** Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về cực.

**d)** Biên độ nhiệt độ năm thay đổi theo vĩ độ do góc nhập xạ giảm từ xích đạo về cực.

**Phần 3: Trả lời ngắn**

**Câu 51: Cho bảng số liệu**

Lưu lượng dòng chảy tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh

*(Đơn vị: m³/s)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lưu lượng | 27,7 | 19,3 | 17,5 | 10,7 | 28,7 | 36,7 | 40,6 | 58,4 | 185,0 | 178,0 | 94,1 | 43,7 |

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³/s )

**Câu 52:** Cho bảng số liệu sau

LƯỢNG MƯA TẠI HÀ NỘI NĂM 2021

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lượng mưa *(mm)* | 16,6 | 10,0 | 34,0 | 58,8 | 209,0 | 188,5 | 428,1 | 313,4 | 229,7 | 94,4 | 28,2 | 84,2 |

*(Nguồn: Tổng cục thống kê, https://www.gso.gov.vn)*

Lượng mưa trung bình tháng của Hà Nội năm 2021 là bao nhiêu milimet?

**Câu 53:** Cho bảng số liệu sau

NHIỆT ĐỘ TẠI HÀ NỘI NĂM 2021

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Nhiệt độ *(oC)* | 18,1 | 17,5 | 22,7 | 24,4 | 29,5 | 30,6 | 30,1 | 29,1 | 29,0 | 26,1 | 24,2 | 19,9 |

 *(Nguồn: Tổng cục thống kê, https://www.gso.gov.vn)*

Biên độ nhiệt của Hà Nội là bao nhiêu độ C?

**Câu 54: Cho biểu đồ**



*(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, https://www.gso.gov.vn)*

Nhiệt độ trung bình năm tại Nha Trang là bao nhiêu?

**Phần 4: Tự luận**

**Câu 55. Cho bảng số liệu:**

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm 2022 tại Nam Định

(Đơn vị: °C)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Nhiệt độ | 18,1 | 15,1 | 22,5 | 23,9 | 26,4 | 30,4 | 29,9 | 29,0 | 28,1 | 24,8 | 24,9 | 17,0 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Vẽ biểu đồ thích hợp nhất biểu hiện nhiệt độ các tháng của Nam Định và nhận xét?

----------------------hết--------------------